

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2017/HSST

Ngày 29/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Tạ Hồng Tuấn**
- *Các hội thẩm nhân dân:* + Ông **Cao Thanh Hải**
+ Bà **Vương Thị Thu**
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà **Bùi Thị Duyên** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên toà:* Ông **Nguyễn Khắc Bằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 62/2017/HSST, ngày 08/12/2017 đối với bị cáo;

Họ và tên: **Ngô Văn N** - Sinh ngày 30/11/1992

Tên gọi khác; không

Nơi ĐKKTTT; khu 8, xã Đ, huyện T, tỉnh P

Nghề nghiệp; lao động tự do . Trình độ văn hoá; lớp 6/12.

Con ông Ngô Văn H và bà Nguyễn Thị T (đã chết)

Mẹ kế: Đỗ Thị N

Vợ, con chưa có

Tiền án, tiền sự; không.

Bị cáo không bị tạm giữ tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú

(Có mặt tại phiên toà).

* **Người bị hại:** Bà **Vũ Thị H** - Sinh năm 1967

Trú tại: Khu 1, xã L, huyện T, tỉnh P *(vắng mặt).*

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh **Lê Văn Đ**: Sinh năm 1989

Trú tại: Xóm C, Đội 11, xã C, huyện T, thành phố H *(có mặt).*

NHẬN THẤY:

Bị cáo Ngô Văn N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba truy tố về hành vi phạm tội như sau: Vào khoảng 15 giờ ngày 30/8/2017, Nguyễn Văn N, trú tại khu 7 xã Đ, huyện T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 19M1-xxxx chở Ngô Văn N, trú tại khu 8 xã Đỗ X đi chơi. Trên đường đi, N rủ N tìm kiếm nhà nào có xe mô tô để sơ hở thì trộm cắp, N đồng ý. Cả hai đi xuôi theo đường đê tả sông T đến khu 1 xã L thì rẽ phải ra hướng bờ sông. Khi đi qua nhà bà Vũ Thị H, phát hiện có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ-đen-bạc biển số 36R7- xxxx dựng ở sân không có người trông giữ, cửa nhà và bếp gia đình bà H đều khóa, cổng đóng then chốt nhưng không khóa. Nhân dừng xe dùng tay mở cổng đi vào sân rồi quay ra đưa cho N 01 chiếc vạm hình chữ "T" và bảo N vào phá ổ khóa điện của xe, còn N đứng ở ngoài canh giới. Sau khi phá được ổ khóa điện của xe mô tô, N dùng chân đạp cần khởi động điều khiển xe đi theo N ra phía bờ sông, rẽ trái theo đường xóm. Đi được khoảng 200m thì cả hai dừng lại đổi xe cho nhau và N đưa cho N chiếc vạm phá khóa, sau đó cả hai đi về nhà N ở khu 7 xã Đ. Tại đây N phá khóa cốp của chiếc xe vừa trộm cắp được, thấy trong cốp xe có 01 đôi găng tay bằng vải đã cũ, N tiếp tục tháo biển kiểm soát của xe rồi cất giấu vào trong buồng nhà N. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, cả hai điều khiển chiếc xe trộm cắp được đến nhà trọ của N ở xã C, huyện T, thành phố H. Tại nơi ở trọ, N đã mài đục xóa số khung, số máy và thay sửa các ổ khóa của xe trộm cắp được. Đến khoảng 19 giờ ngày 02/9/2017, N điều khiển xe đến nhà Lê Văn Đ ở xóm C, xã C, huyện T là người quen của N gửi xe tại đó, đồng thời vay của Đ số tiền 3.400.000.đ. N đưa cho N 1.350.000đ. Số tiền được chia N đã tiêu sài cá nhân hết. Ngày 10/9/2017, Cơ quan điều tra đã thu giữ được chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt do Lê Văn Đ giao nộp. Tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn Văn N nhưng không thu được biển kiểm soát của xe mô tô và đôi găng tay là vật chứng của vụ án.

Theo báo cáo của bà Vũ Thị H, chiếc xe mô tô biển số 36R7-xxxx của con dâu bà là Trương Thị T ở T cho bà làm phương tiện đi lại. Bà H đã giao nộp đăng ký xe mô tô phục vụ công tác điều tra.

Ngày 15/9/2017, Hội đồng định giá tài sản huyện Thanh Ba định giá và kết luận chiếc xe bị trộm cắp có trị giá **7.800.000.đ**. Sau đó, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho bà H. Bà H không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Đối với Nguyễn Văn N, sau khi phạm tội đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã ra lệnh truy nã và tách hành vi của N, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 02/KSĐT-TA ngày 08/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba truy tố Ngô Văn N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện

Thanh Ba vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Ngô Văn N từ **09** đến **12** tháng tù

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị xác nhận việc trả lại tài sản của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Văn N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Vào chiều ngày 30/8/2017, trên đường đi chơi Nguyễn Văn N và bị cáo đã bàn bạc cùng nhau trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi qua nhà bà Vũ Thị H thuộc khu 1 xã L, huyện T thì phát hiện trong sân nhà bà H có 01 xe mô tô Honda Wave màu đỏ - đen - bạc biển số 36R7-xxxx không có người trong coi. N mở cổng đi vào rồi đưa cho N 01 chiếc văm hình chữ “T” để N phá ổ khóa điện của xe, còn N đứng ngoài canh giới. N trực tiếp phá ổ khóa điện rồi khởi động, điều khiển xe cùng N đi về nhà N ở khu 7, xã Đ, N đã tháo biển số xe cất giấu cho đến khoảng 22 giờ đêm N và N điều khiển chiếc xe đã trộm cắp đi đến nhà trọ của N ở xã C, huyện T, tỉnh H. Tại đây, N đã mài đục số khung số máy, thay sửa các ổ khóa của xe. Cho đến ngày 02/9/2017, N điều khiển xe đến nhà người quen là Lê Văn ở xóm C, xã C, huyện T gửi xe và vay của Đ số tiền 3.400.000.đ. N đã đưa cho N tổng số tiền 1.600.000.đ, trong đó có nhờ N về trả hộ tiền mua ắc quy 250.000.đ. Số tiền còn lại là 1.350.000.đ bị cáo N đã sử dụng cá nhân hết. Chiếc xe mô tô mà bị cáo và Nguyễn Văn N đã trộm cắp của bà Vũ Thị H theo kết quả định giá tài sản có trị giá là **7.800.000.đ**.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan và người làm chứng, phù hợp với biên bản xác định hiện trường, vật chứng đã thu giữ, cũng hoàn toàn phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, với hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô có giá trị như đã nêu trên thì bị cáo Ngô Văn N phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Trộm cắp tài sản*” là hoàn toàn có căn cứ. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Ngô Văn N theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 cũng như lời luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật

Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử*

phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Mặc dù tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo là cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo có tuổi đời còn trẻ nhưng do lười lao động, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên đã phạm tội vì vậy phải có hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục riêng bị cáo và làm gương đối với kẻ khác.

Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bản thân bị cáo chưa từng có tiền án, tiền sự, đây là lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thực sự thành khẩn, hối hận về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Mặc dù bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào nhưng xét vẫn phải quyết định một hình phạt tù nhưng ở mức khởi điểm của khung hình phạt để giáo dục bị cáo và cũng là bài học cho bị cáo có ý thức cải tạo sau này trở thành một công dân tốt.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt một khoản tiền để sung công quỹ Nhà nước nhưng do bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng.

- Trong vụ án này, cùng tham gia trộm cắp với bị cáo còn có Nguyễn Văn N, nhưng sau khi phạm tội N đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã ra lệnh truy nã nhưng đến nay vẫn chưa bắt được vì vậy tách hành vi của N cho đến khi bắt được N sẽ xử lý sau là phù hợp.

- Đối với Lê Văn Đ khai không biết chiếc xe N gửi là do N trộm cắp mà có nên đã cho N vay tiền. Do chưa bắt được N nên chưa làm rõ được hành vi của Đ có phạm tội hay không vì vậy trong vụ án này chưa đề cập xử lý là phù hợp.

- Về dân sự và vật chứng: Chiếc xe mô tô mà bị cáo đã trộm cắp là tài sản thuộc sở hữu của bà Vũ Thị H, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà H là hợp pháp. Bà H có lời khai và đơn không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì về tài sản nên không đặt ra xem xét.

- Tại phiên tòa, anh Lê Văn Đ yêu cầu Nguyễn Văn N phải trả lại số tiền đã vay là 3.400.000.đ. Tuy nhiên, do chưa bắt được N vì vậy sẽ xem xét giải quyết sau khi đã bắt và xử lý được N.

- Về số tiền mà bị cáo N đã hưởng lợi từ việc trộm cắp chiếc xe mô tô là 1.350.000.đ. Số tiền này phải truy thu để sung công quỹ Nhà nước. Còn về phần dân sự giữa bị cáo N và N sẽ được giải quyết sau khi đã bắt và xử lý N.

Về án phí: Bị cáo N phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Ngô Văn N** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt **Ngô Văn N 06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Ngô Văn Nam chấp hành án.

- Áp dụng khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Truy thu của bị cáo Ngô Văn Nam 1.350.000.đ (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

+ Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho người bị hại là bà Vũ Thị H tài sản sau là hợp pháp: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn đỏ - đen - bạc, không xác định được số máy, số khung, xe không biển số và 01 Giấy đăng ký mô tô xe máy số xxxxxx mang tên Trương Thị Mỹ H của xe mô tô biển số 36R7-xxxx (*biên bản trả lại tài sản ngày 02/11/2017 có lưu trong hồ sơ vụ án*).

- Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12//2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Ngô Văn N phải nộp 200.000.đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Thi hành án hình sự, dân sự;
- Sở tư pháp tỉnh;
- UBND xã Đ;
- Bị cáo;
- Người bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

T¹ Hằng Tuân